

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH 14;
- Căn cứ Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPDC-UBCK ngày 17/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia;
- Căn cứ thỏa thuận của hai bên,

Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. BÊN ỦY QUYỀN: Ông HỒ ANH DŨNG

Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, Phường Yên Kiêu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD do UBCK Nhà nước cấp lần đầu ngày 15/12/2006
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- CMND số: 001082006351 Ngày cấp: 14/06/2018
Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Điện thoại : (84-24) 3944 5474 Fax: (84-24) 3944 5475

II. NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN: Ông TRẦN ĐÌNH DŨNG

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
- Sinh ngày: 24/10/1982
- Giấy chứng minh nhân dân số: 036082000096 ngày cấp: 20/01/2014 nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG
- Hộ khẩu thường trú: Phòng 2008, Tòa nhà Rainbow, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

được thay mặt Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) thực hiện các công việc sau đây:

1. Ký các giấy tờ, hồ sơ, văn bản, hợp đồng, phụ lục hợp đồng có liên quan đến nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành chứng khoán, bao gồm nhưng không hạn chế các dịch vụ sau:
 - Tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán;
 - Đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán;
 - Tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, mua bán doanh nghiệp;
 - Tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp;
 - Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.
2. Ký công văn, giấy tờ gửi các khách hàng, đối tác của công ty liên quan đến mảng Nghiệp vụ kinh doanh được phân công.
3. Ký ban hành cơ chế kinh doanh cho mảng Nghiệp vụ được phân công sau khi được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Ông **Trần Đình Dũng** chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc thực hiện theo nội dung Giấy ủy quyền này, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện cho Tổng Giám đốc sau khi thực hiện nội dung ủy quyền.

Thời hạn ủy quyền: kể từ ngày ký ủy quyền cho đến khi có thông báo khác.

Giấy ủy quyền này gồm hai (02) trang, được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau; bên ủy quyền giữ một (01) bản, bên nhận ủy quyền giữ một (01) bản, Công ty giữ một (01) bản. ✓

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đình Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA



NGƯỜI ỦY QUYỀN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Anh Dũng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2001122903

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 06 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 01 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CAMIMEX CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 333, đường Cao Thắng, Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Điện thoại: 0290 3831608

Fax: 0290 3580827

Email: camimex@camimex.com.vn

Website:

https://cmmseafood.com.vn

3. Vốn điều lệ: 944.999.980.000 đồng.

Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi bốn tỷ chín trăm chín mươi chín triệu
chín trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 94.499.998

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI SĨ TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 12/10/1971 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034071003438

Ngày cấp: 22/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 12.02 Lô A C/c 974A Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 12.02 Lô A C/c 974A Trường Sa, Phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày... 18... tháng... 8... năm 20... 20... 20... SGT/BS

Ngày... 18... tháng... 8... năm 20... 20... 20...



Bao Thị Kiều Diễm



TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thanh Tuấn

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các quy định pháp luật có liên quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Camimex;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 05 năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	149,82	76,44	51,02%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	12.800	8.857	69,20%
3	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.520	2.414	68,58%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	162	121	74,69%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	146	107	73,29%

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty bao gồm:

1. Báo cáo tài chính riêng;
2. Báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 3. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

1. Các mục tiêu kinh tế:
 - Kim ngạch xuất khẩu đạt : 100 triệu USD
 - Sản lượng xuất khẩu : 10.000 tấn thành phẩm
 - Tổng doanh thu : 2.391 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế : 111,7 tỷ đồng
 - Lợi nhuận sau thuế : 100,5 tỷ đồng
2. Định hướng phát triển và các dự án đầu tư:
 - Phân đầu mở rộng vùng nuôi tôm sinh thái lên 20.000 ha.
 - Hoàn thiện nhà máy chế biến số 1 (Xi nghiệp 1) với tổng giá trị đầu tư là 303 tỷ

Điều 4. Thông qua các Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập; Báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 5. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán độc lập, đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho tổ chức niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán năm 2023, để tiến hành kiểm toán năm tài chính 2023.

Điều 6. Thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023: .

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng

Các khoản chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định.

Điều 7. Thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. *Bổ sung điểm p vào khoản 1 Điều 1* như sau:

“p) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc; hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty được cung cấp bởi tổ chức lưu ký chứng khoán Việt Nam. Địa chỉ liên lạc có thể được xác định theo địa giới đơn vị hành chính, hoặc số điện thoại, hoặc hộp thư điện tử, hoặc số fax (nếu có).

Công ty được quyền chủ động lựa chọn liên lạc với cổ đông, người quản lý, người lao động, kiểm soát viên của Công ty theo địa chỉ địa giới đơn vị hành chính, hoặc/và số điện thoại, hoặc/và hộp thư điện tử, hoặc/và số fax mà họ đã cung cấp. Cổ đông, người quản lý, người lao động, kiểm soát viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của địa chỉ liên lạc đã cung cấp cho Công ty và phải chủ động thông báo ngay cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ liên lạc.”

2. *Sửa đổi khoản 3 Điều 18* như sau:

“3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (gửi bằng thư chuyển phát, hoặc/và tin nhắn điện thoại, hoặc/và thư điện tử, hoặc/và fax theo địa chỉ liên lạc của cổ đông thuộc danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty được cung cấp bởi tổ chức lưu ký chứng khoán Việt Nam), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.”
- Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty Cổ phần Camimex sau khi sửa đổi bổ sung

Điều 8. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng như sau:

I. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex.
2. Mã cổ phiếu: CMM.
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
5. Phương thức phát hành: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng thông qua Đại lý phát hành.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 3.400.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 34.000.000.000 đồng
8. Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư công chúng là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phần của Công ty cổ phần Camimex.
9. Giá chào bán: **10.000 đ/cổ phiếu**

a. Cơ sở đưa ra giá chào bán:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu CMM tại ngày 31/12/2022 (theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022) là 15.335 đồng/cổ phiếu
- Giá thị trường: Giá đóng cửa của cổ phiếu CMM trong 10 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 28/4/2023 đến ngày 16/5/2023) là 9.610 đồng/cổ phiếu.

- b. Đề xuất giá chào bán: Để đảm bảo kế hoạch huy động vốn thành công, HĐQT đề xuất giá chào bán của đợt chào bán là **10.000 đồng/cổ phiếu**

10. Phương thức phân phối:

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua phương thức các Đại lý phát hành sau khi nhận được giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Tổ chức là Đại lý phân phối phù hợp theo thực tế đợt chào bán.

11. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư:

Đối với số lượng cổ phiếu không chào bán hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đ/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác. Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán mà các nhà đầu tư công chúng đã mua.

Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả

thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

12. Hạn chế chuyển nhượng

- Cổ phiếu chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

13. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, tóm tắt như sau:

• *Pha loãng giá cổ phiếu:*

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{ic} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- P_{ic} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
- PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
- P_{R1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do chào bán quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

• *Rủi ro pha loãng EPS:*

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$EPS \text{ pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm.

• *Pha loãng giá trị sổ sách:*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

• *Pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:*

Việc chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.



14. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thời điểm phù hợp ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
15. Tỷ lệ chào bán thành công:
Không quy định do đợt chào bán không nhằm huy động vốn thực hiện dự án.
Trong trường hợp số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.
16. Hủy bỏ đợt chào bán: Không quy định
17. Đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán: Giao HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán thành công sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.
18. Thay đổi vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi có chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán lên UBCKNN.

II. Mục đích chào bán, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Hiện nay, Công ty đang xây thêm nhà máy chế biến tôm nữa (Xí nghiệp 1) để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng. Nhà máy mới dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện. Khi nhà máy đi vào hoạt động cũng cần phải có thêm vốn lưu động cho nhà máy hoạt động. Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tôm, ngành mà tỷ trọng nguyên liệu chiếm tới 80% chi phí giá thành, để có thể hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng kinh doanh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và công suất của nhà xưởng, Công ty cần lượng vốn lưu động rất lớn. Tuy nhiên tỷ số nợ của Công ty đang ở mức cao, việc vay thêm vốn lưu động từ ngân hàng cũng không dễ dàng. Vì vậy Hội đồng quản trị đề xuất sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị

1. Hoàn thiện và triển khai phương án chào bán chi tiết:

- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc chào bán;
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lựa chọn thời điểm chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
- Thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn



- điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Tổ chức là Đại lý phân phối phù hợp;
 3. Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn UPCOM) sau khi hoàn tất việc chào bán;
 4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép kinh doanh sau khi hoàn tất đợt chào bán;
 5. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Điều 9. Thông qua các giao dịch giữa Công ty và người có liên quan, cụ thể:

1. Người có liên quan được phép giao dịch bao gồm:
 - Công ty CP Camimex Group (MSDN: 2000103908);
 - Công ty TNHH Camimex Organic (MSDN: 2001014506);
 - Công ty Cổ phần Camimex Foods (MSDN: 2001309274);
 - Công ty Cổ phần Camimex Logistics (MSDN: 0315120124);
 - Công ty TNHH Camimex Farm (MSDN: 2001353185);
 - Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex (MSDN: 2001322370);
 - Công ty CP Camimex Quảng Trị (MSDN: 3200698186);
 - Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Năm Căn (MSDN: 2000104323).
2. Loại giao dịch được phê duyệt và cho phép thực hiện bao gồm:
 - Mua/ bán tôm, cá nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm;
 - Mua/ bán vật tư, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản;
 - Cho thuê/ cho mượn, thuê/mượn: nhà xưởng, kho, văn phòng, quyền sử dụng đất;
 - Vay/ cho vay tiền;
 - Bảo lãnh/ nhận bảo lãnh;
 - Sử dụng/ cung cấp dịch vụ gia công, giao nhận, vận tải, dịch vụ xuất nhập khẩu;
 - Và tất cả các giao dịch phát sinh khác (nếu có).

Điều 10. Thông qua việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Camimex từ sàn UPCOM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, cụ thể như sau:

1. Chuyển sàn niêm yết
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Camimex
 - Mã chứng khoán: CMM
 - Sàn giao dịch hiện tại: UPCOM
 - Sở giao dịch chứng khoán đăng ký chuyển niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chuyển sàn niêm yết: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chuyển sàn.
- Thời gian đăng ký chuyển sàn niêm yết: Năm 2023 hoặc 2024.
- Thời điểm niêm yết chính thức sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại UPCOM

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Upcom sau khi đã đủ điều kiện niêm yết: đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chuyển niêm yết.
- Mục đích hủy đăng ký giao dịch: Chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Lựa chọn đơn vị tư vấn đăng ký niêm yết cổ phiếu.
- Làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước để thực hiện thành công việc chuyển sàn, niêm yết, hủy niêm yết, chốt danh sách cổ đông tại VSD để chuyển sàn niêm yết, chủ động điều chỉnh phương án theo sự thay đổi của pháp luật và/hoặc yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm thực hiện.
- Quyết định giá, thời điểm đăng ký niêm yết để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền để hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch từ Upcom sang HOSE

Điều 11. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau :

1. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex
2. Mã cổ phiếu: CMM
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần
5. Vốn điều lệ trước phát hành: 630.000.000.000 đồng
6. Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 63.000.000 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 63.000.000 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
9. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.
10. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 31.500.000 cổ phiếu
11. Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá): 315.000.000.000 đồng
12. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông



do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm.

13. Tỷ lệ phát hành: 50% trên vốn điều lệ.
14. Tỷ lệ thực hiện quyền: 2:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền, cứ 02 quyền sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới, số lượng cổ phiếu được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị.
15. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần thập phân sẽ bị hủy bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận thêm tương ứng là $123 : 2 \times 1 = 61,5$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phần lẻ, số lượng cổ phần của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 61 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,5 cổ phần hàng thập phân sẽ bị hủy
16. Hạn chế chuyển nhượng:
 - Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - Các cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
 - Quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm không được phép chuyển nhượng.
17. Nguồn vốn thực hiện: Thặng dư vốn cổ phần lũy kế tới ngày 31/12/2022 và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022 căn cứ báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của Công ty và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
18. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành: Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
19. Thời gian dự kiến thực hiện: Dự kiến trong năm 2023, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo bằng văn bản cho Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
20. Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung: Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành theo đúng quy định pháp luật.

II. Thay đổi Vốn điều lệ:

Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi có chấp thuận Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.



III. Thông qua việc ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành cổ phần để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh và quy định chi tiết nội dung phương án phát hành cổ phiếu nêu trên và/ hoặc sửa đổi, bổ sung, thay đổi phương án phát hành khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung (nếu có) hồ sơ phát hành cổ phần để nộp cho Cơ quan có thẩm quyền;
- Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai việc phát hành và thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông theo quy định;
- Thực hiện sửa đổi, bổ sung các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới tăng thêm sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Thông qua việc tăng vốn điều lệ và triển khai các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế phát hành sau khi hoàn thành đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc phát hành cổ phần đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với UBCKNN, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và các cơ quan quản lý có liên quan;
- Quyết định các vấn đề phát sinh khác có liên quan đến quá trình triển khai việc phát hành thêm cổ phần.

W CA
CORI
.12290
T.CA

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát: Bà Đinh Thị Hoa

Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát: Bà Trần Thị My

Điều 13. Thông qua việc Điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy Chế biến thủy sản - Xí nghiệp 5 như sau:

1. Thông qua việc điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy Chế biến thủy sản - Xí Nghiệp 5. Nội dung điều chỉnh liên quan đến dự án bao gồm:
 - a) Quy mô dự án.
 - b) Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng.
 - c) Tổng vốn đầu tư của dự án và các hạng mục có liên quan.

* Tổng vốn đầu tư dự án sau khi điều chỉnh không vượt quá 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng).

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo yêu cầu của pháp luật để hoàn thành việc điều chỉnh dự án.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh việc điều chỉnh Dự án đầu tư Nhà máy Chế biến thủy sản - Xí Nghiệp 5 cho phù hợp với yêu cầu của cơ quan quản lý để hoàn thành dự án.
- Quyết định tất cả các vấn đề phát sinh khác liên quan đến việc điều chỉnh dự án đã nêu.

Điều 14. Hiệu lực thi hành.

1. Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty có nghĩa vụ tổ chức thực hiện Nghị Quyết này và Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.
2. Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOẠ



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn



Số: 06/TT.ĐHĐCĐTN.CMC.23

Cà Mau, ngày 28 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: Chào bán cổ phiếu thêm cổ phiếu ra công chúng)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Camimex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Camimex;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án chào bán cổ phiếu thêm cổ phiếu ra công chúng như sau:

I. Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex.
2. Mã cổ phiếu: CMM.
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phần.
5. Phương thức phát hành: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng thông qua Đại lý phát hành.
6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 3.400.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 34.000.000.000 đồng
8. Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư công chúng là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phần của Công ty cổ phần Camimex.
9. Giá chào bán: **10.000 đ/cổ phiếu**
 - a. Cơ sở đưa ra giá chào bán:
 - Giá trị sổ sách của cổ phiếu CMM tại ngày 31/12/2022 (theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022) là 15.335 đồng/cổ phiếu
 - Giá thị trường: Giá đóng cửa của cổ phiếu CMM trong 10 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 28/4/2023 đến ngày 16/5/2023) là 9.610 đồng/cổ phiếu.
 - b. Đề xuất giá chào bán: Để đảm bảo kế hoạch huy động vốn thành công, HĐQT đề xuất giá chào bán của đợt chào bán là **10.000 đồng/cổ phiếu**



10. Phương thức phân phối:

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua phương thức các Đại lý phát hành sau khi nhận được giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Tổ chức là Đại lý phân phối phù hợp theo thực tế đợt chào bán.

11. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư:

Đối với số lượng cổ phiếu không chào bán hết, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đ/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác. Nếu các đối tượng này không mua hết, chủ tịch HĐQT được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán mà các nhà đầu tư công chúng đã mua.

Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

12. Hạn chế chuyển nhượng

- Cổ phiếu chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

13. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến

Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, tóm tắt như sau:

- *Pha loãng giá cổ phiếu:*

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán (“Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền”): giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được Sở Giao dịch Chứng khoán điều chỉnh theo công thức như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{Rt})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

- P_{tc} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
- PR_{t-1} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền
- P_{Rt} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
- I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do chào bán quyền mua cổ phiếu cho CĐHH

- *Rủi ro pha loãng EPS:*

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm.

- *Pha loãng giá trị sổ sách:*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

- *Pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết:*

Việc chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

14. Thời gian dự kiến thực hiện: Trong năm 2023, sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thời điểm phù hợp ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

15. Tỷ lệ chào bán thành công:

Không quy định do đợt chào bán không nhằm huy động vốn thực hiện dự án.

Trong trường hợp số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

16. Hủy bỏ đợt chào bán: Không quy định

17. Đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán: Giao HĐQT Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán thành công sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thay đổi vốn điều lệ: Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản Điều lệ Công ty và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi có chấp thuận Báo cáo kết quả chào bán lên UBCKNN.

II. Mục đích chào bán, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Hiện nay, Công ty đang xây thêm nhà máy chế biến tôm nữa (Xí nghiệp 1) để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng. Nhà máy mới dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện. Khi nhà máy đi vào hoạt động cũng cần phải có thêm vốn lưu động cho nhà máy hoạt động. Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tôm, ngành mà tỷ trọng nguyên liệu chiếm tới 80% chi phí giá thành, để có thể hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng kinh doanh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và công suất của nhà xưởng, Công ty cần lượng vốn lưu động rất lớn. Tuy nhiên tỷ số nợ của Công ty đang ở mức cao, việc vay thêm vốn lưu động từ ngân hàng cũng không dễ dàng. Vì vậy Hội đồng quản trị đề xuất sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị

1. Hoàn thiện và triển khai phương án chào bán chi tiết:

- Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc chào bán;
 - Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án tăng vốn điều lệ, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành theo quy định;
 - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Lựa chọn thời điểm chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc phát hành cổ phiếu cho phù hợp;
 - Thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc phát hành theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
 - Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết, cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Tổ chức là Đại lý phân phối phù hợp;
 3. Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sàn UPCOM) sau khi hoàn tất việc chào bán;
 4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy phép kinh doanh sau khi hoàn tất đợt chào bán;
 5. Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn



Bùi Sĩ Tuấn

Số: 1011/NQ.HĐQT.CMC.23

Cà Mau, ngày 10 tháng 11 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

(V/v: Thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Camimex;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24/05/2023;
- Nghị quyết số 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023;
- Nghị quyết số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc thông qua lựa chọn đại lý phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Camimex;
- Nghị quyết số 1110/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 11/10/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết HĐQT số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 và Nghị quyết HĐQT số 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Camimex ngày 10/11/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex, thay thế Phương án đã ban hành theo Nghị quyết số 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 và Nghị quyết số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex, cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex
2. Mã cổ phiếu:	CMM
3. Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Phương thức phát hành:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho nhà đầu tư công chúng thông qua Đại lý phát hành

6. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	3.400.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:	34.000.000.000 đồng
8. Đối tượng chào bán:	Nhà đầu tư công chúng có nhu cầu mua cổ phần của Công ty cổ phần Camimex.
9. Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
	<p>a. Cơ sở đưa ra giá chào bán:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá trị sổ sách của cổ phiếu CMM tại ngày 31/12/2022 (theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022) là 15.335 đồng/cổ phiếu ▪ Giá thị trường: Giá đóng cửa của cổ phiếu CMM trong 10 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 28/4/2023 đến ngày 16/5/2023) là 9.610 đồng/cổ phiếu. <p>b. Đề xuất giá chào bán: Để đảm bảo kế hoạch huy động vốn thành công, HĐQT đề xuất giá chào bán của đợt chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu</p>
10. Đại lý phát hành:	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI)
11. Trách nhiệm của Đại lý phát hành:	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp với Tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định; - Cung cấp và tiếp nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư; - Hướng dẫn nhà đầu tư trong việc đăng ký và thực hiện thủ tục thanh toán tiền mua cổ phiếu; - Tổng hợp thông tin về các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu tại Đại lý phân phối sau ngày kết thúc đăng ký đặt mua cổ phiếu; - Các công việc khác liên quan đến việc phân phối cổ phiếu (nếu có);
12. Phương thức phân phối:	Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia sau khi nhận được giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN
13. Thời gian phân phối cổ phiếu:	Công ty sẽ thông báo về thời hạn phân phối cổ phiếu, thời gian đăng ký mua cổ phiếu và nộp tiền mua cổ phiếu khi thực hiện chào bán cổ phiếu, đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu là tối thiểu 20 ngày; Thời gian cụ thể được công bố trong Bản thông báo phát hành.
14. Nguyên tắc phân phối cổ phiếu:	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu được phân phối cho các nhà đầu tư đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai. - Các nhà đầu tư đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn quy định đều được phân phối cổ phiếu. - Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu được phép chào bán, Hội đồng quản trị Công ty phân phối

	hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư.																												
15. Đăng ký mua cổ phiếu :	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phiếu - Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối đa: 3.400.000 cổ phiếu - Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Không áp dụng - Tỷ lệ thực hiện quyền: Không áp dụng do đối tượng của đợt chào bán không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty. 																												
16. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phiếu khi phân phối theo tỷ lệ:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký đặt mua vượt quá số lượng cổ phiếu chào bán, Hội đồng quản trị Công ty phân phối toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư. Phần lẻ thập phân của số cổ phần khi phân phối theo tỷ lệ đăng ký đặt mua (nếu có) sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn (nếu có) sẽ được phân phối lại cho nhà đầu tư có số lượng đăng ký đặt mua cao nhất. Trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đăng ký cùng số lượng cổ phiếu cao nhất, Hội đồng quản trị tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được mua là nhà đầu tư có thời gian nộp tiền mua cổ phần sớm hơn (theo thời gian trên sao kê nộp tiền vào tài khoản phong tỏa). - Cổ phiếu lẻ được phân phối cho Nhà đầu tư không bị hạn chế chuyển nhượng. - Ví dụ: <table border="1" style="margin-left: 40px;"> <thead> <tr> <th>Nhà đầu tư</th> <th>Số lượng CP đăng ký mua</th> <th>Số lượng CP được mua theo tỷ lệ phân phối</th> <th>Số lượng CP được mua làm tròn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>A</td> <td>597.555</td> <td>534.654,5</td> <td>534.654</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>100.000</td> <td>89.473,7</td> <td>89.473</td> </tr> <tr> <td>C</td> <td>2.500.010</td> <td>2.236.851,1</td> <td>2.236.851</td> </tr> <tr> <td>D</td> <td>350.000</td> <td>313.157,9</td> <td>313.157</td> </tr> <tr> <td>E</td> <td>252.435</td> <td>225.862,9</td> <td>225.862</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng</td> <td>3.800.000</td> <td>3.400.000,1</td> <td>3.399.997</td> </tr> </tbody> </table> <p>Số cổ phần lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn là 03 cổ phiếu sẽ được phân phối lại cho nhà đầu tư C (là nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất). Do đó, số lượng cổ phiếu nhà đầu tư C được phân phối là <u>2.236.854</u> cổ phiếu.</p>	Nhà đầu tư	Số lượng CP đăng ký mua	Số lượng CP được mua theo tỷ lệ phân phối	Số lượng CP được mua làm tròn	A	597.555	534.654,5	534.654	B	100.000	89.473,7	89.473	C	2.500.010	2.236.851,1	2.236.851	D	350.000	313.157,9	313.157	E	252.435	225.862,9	225.862	Tổng cộng	3.800.000	3.400.000,1	3.399.997
Nhà đầu tư	Số lượng CP đăng ký mua	Số lượng CP được mua theo tỷ lệ phân phối	Số lượng CP được mua làm tròn																										
A	597.555	534.654,5	534.654																										
B	100.000	89.473,7	89.473																										
C	2.500.010	2.236.851,1	2.236.851																										
D	350.000	313.157,9	313.157																										
E	252.435	225.862,9	225.862																										
Tổng cộng	3.800.000	3.400.000,1	3.399.997																										
17. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư:	Đối với số lượng cổ phiếu không chào bán hết, ĐHQĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đ/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán																												

	<p>bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác. Nếu các đối tượng này không mua hết, Hội đồng quản trị được quyền lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán mà các nhà đầu tư công chúng đã mua.</p> <p>Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.</p> <p>Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.</p>			
<p>18. Hạn chế chuyển nhượng:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phiếu chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng; - Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do tỷ lệ làm tròn phân phối cho nhà đầu tư đăng ký không bị hạn chế chuyển nhượng; - Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. 			
<p>19. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến:</p>	<p>Việc chào bán cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, tóm tắt như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pha loãng giá cổ phiếu: Do đối tượng của đợt chào bán là các nhà đầu tư công chúng, giá cổ phiếu CMM không bị sự điều chỉnh kỹ thuật sau chào bán. - Rủi ro pha loãng EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng được tính như sau: <table border="1" data-bbox="558 1478 1308 1646" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td rowspan="2" style="text-align: center; vertical-align: middle;">EPS pha loãng =</td> <td style="text-align: center;">Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</td> </tr> </table> <p>Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay trong năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pha loãng giá trị sổ sách: Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán. 	EPS pha loãng =	Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ
EPS pha loãng =	Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông			
	Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			

	- Pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết: Việc chào bán cho nhà đầu tư bên ngoài sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.												
20. Thời gian thực hiện:	Dự kiến Quý IV/2023 – Quý I/2024, sau khi có chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định.												
21. Tỷ lệ chào bán thành công:	Không quy định do đợt chào bán không nhằm huy động vốn thực hiện dự án. Trong trường hợp số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.												
22. Hủy bỏ đợt chào bán:	Không quy định												
23. Đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán:	HĐQT cam kết thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký, giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu chào bán thành công sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.												
24. Mục đích chào bán:	Mục đích chào bán: Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán có giá trị 34 tỷ đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động (thanh toán tiền cho nhà cung cấp nguyên liệu), cụ thể: <table border="1" data-bbox="486 1115 1372 1491"> <thead> <tr> <th>Tên nhà cung cấp</th> <th>Số hợp đồng</th> <th>Nguyên liệu cung cấp</th> <th>Tổng giá trị HĐ</th> <th>Số tiền sử dụng từ đợt chào bán</th> <th>Kế hoạch giải ngân</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh</td> <td>12/HĐNL-2023 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng</td> <td>Tôm nguyên liệu (Tôm sú, tôm thẻ)</td> <td>67 tỷ đồng</td> <td>34 tỷ đồng</td> <td>Quý I/2024</td> </tr> </tbody> </table>	Tên nhà cung cấp	Số hợp đồng	Nguyên liệu cung cấp	Tổng giá trị HĐ	Số tiền sử dụng từ đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	12/HĐNL-2023 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng	Tôm nguyên liệu (Tôm sú, tôm thẻ)	67 tỷ đồng	34 tỷ đồng	Quý I/2024
Tên nhà cung cấp	Số hợp đồng	Nguyên liệu cung cấp	Tổng giá trị HĐ	Số tiền sử dụng từ đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân								
Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	12/HĐNL-2023 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng	Tôm nguyên liệu (Tôm sú, tôm thẻ)	67 tỷ đồng	34 tỷ đồng	Quý I/2024								

Điều 2: Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế cho các Nghị quyết:

- Nghị quyết số 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023;
- Nghị quyết số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc thông qua lựa chọn đại lý phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Camimex;
- Nghị quyết số 1110/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 11/10/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Camimex về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết HĐQT số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 và Nghị quyết HĐQT số 1007/ NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023;

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- CBTT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Bùi Sĩ Tuấn



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

(V/v: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Camimex;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24/05/2023;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Camimex ngày 24/11/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu Công ty Cổ phần Camimex với các tài liệu như sau:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 2411/CV.CMC.23 ngày 24/11/2023;
2. Bản cáo bạch Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023;
4. Điều lệ Công ty;
5. Công văn số 23/CV.CMC ngày 12/09/2023 về việc điều chỉnh thuyết minh BCTC năm 2022 của CMM và công văn số 2411/CV.CMC ngày 24/11/2023 về việc điều chỉnh thuyết minh BCTC Quý 3 năm 2023.
6. Các Báo cáo tài chính, bao gồm:
 - Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán;
 - Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất Quý III/2023 tự lập của Công ty;
7. Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMM.23 ngày 24/05/2023 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán; Tờ trình số 06/TT.ĐHĐCĐTN.CMC.23 ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị CMM về phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Nghị quyết số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex;
9. Nghị quyết số 01.1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
10. Nghị quyết số 2411/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 24/11/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex thông qua thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;



11. Công văn số 15/CV.CMC.23 ngày 13/07/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex cam kết đăng ký giao dịch bổ sung bổ sung sau khi kết thúc đợt chào bán;
12. Công văn số 16/CV.CMC.23 ngày 13/0/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
13. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Chi Nhánh Cà Mau ngày 11/07/2023 về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
14. Hợp đồng số 1005/2023/TVPH/NSI-CMM ngày 10/05/2023 giữa Công ty Cổ phần Camimex và Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) về dịch vụ tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Điều 2: Ủy Quyền:

Hội đồng Quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các công việc cần thiết để hoàn thiện hồ sơ và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ.

Điều 3: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01.1110/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 11/10/2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- CBTT;
- Lưu VT.



Bùi Sĩ Tuấn



Số: 01.1007/NQ.HĐQT.CMC.23

Cà Mau, ngày 10 tháng 07 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

(V/v: Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Camimex;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24/05/2023;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Camimex ngày 10/07/2023;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật trong đợt chào bán như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty được Công ty xác định là 0%.
- Phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán được thực hiện như sau:
 - + Không phân phối/chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài trong đợt chào bán ra công chúng này.
 - + Đưa rõ thông tin về điều kiện nhà đầu tư trên các thông báo chính thức của Công ty liên quan đến việc chào bán.
 - + Hội đồng quản trị Công ty giám sát việc phân phối cổ phiếu cho các nhà đầu tư thông qua Đại lý phát hành.

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng ban trong Công ty, các Tổ chức và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty./.



Nơi nhận:

- Như điều 2;
- CBTT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Bùi Sĩ Tuấn





ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Cà Mau, ngày 24 tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 12. Quyền của cổ đông	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Thay đổi các quyền	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	25
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	26
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 34. Người điều hành Công ty	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
IX. BAN KIỂM SOÁT	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	27
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	27
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	28
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	28
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	29
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	29
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	30
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	31
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	31
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	31
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	32
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	32
Điều 48. Năm tài chính	32
Điều 49. Chế độ kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG	

BỘ THÔNG TIN	32
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	32
Điều 51. Báo cáo thường niên	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 52. Kiểm toán	33
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	33
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	33
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	33
Điều 54. Giải thể công ty	33
Điều 55. Gia hạn hoạt động	33
Điều 56. Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 58. Điều lệ công ty	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 59. Ngày hiệu lực	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 01/NQ.ĐHĐCD.CMC.23 ngày 24 tháng 05 năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
 - p) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Công ty để làm địa chỉ liên lạc; hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty được cung cấp bởi tổ chức lưu ký chứng khoán Việt Nam. Địa chỉ liên lạc có thể được xác định theo địa giới đơn vị hành chính, hoặc số điện thoại, hoặc hộp thư điện tử, hoặc số fax (nếu có).
- Công ty được quyền chủ động lựa chọn liên lạc với cổ đông, người quản lý, người lao động, kiểm soát viên của Công ty theo địa chỉ địa giới đơn vị hành chính, hoặc/và số điện thoại, hoặc/và hộp thư điện tử, hoặc/và số fax mà họ đã cung cấp. Cổ đông, người quản lý, người lao động, kiểm soát viên hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của địa chỉ liên lạc đã cung cấp cho Công ty và phải chủ động thông báo ngay cho Công ty biết khi thay đổi địa chỉ liên lạc.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **CAMIMEX CORP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 đường Cao Thắng, phường 8, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại: 0290.3831608
- Fax: 0290.3580827
- E-mail: camimex@camimex.com.vn
- Website: cmmseafood.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 [một] người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: **BÙI SĨ TUẤN** Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 034071003438

Ngày cấp: 17/08/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12.02A Khối A chung cư cao tầng, phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 12.02A Khối A chung cư cao tầng, phường 12, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.
- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh

doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
 - Thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Trong trường hợp người đại diện vắng mặt cần phải ủy quyền lại cho một hoặc một số người quản lý doanh nghiệp khác thực hiện nhằm đảm bảo việc kinh doanh của Công ty ổn định và liên tục.
3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại. Xuất khẩu thủy sản, nông sản thực phẩm. Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân.
 - Nuôi trồng thủy sản biển. Chi tiết: Nuôi tôm
 - Nuôi trồng thủy sản nội địa.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để tổ chức sản xuất, kinh doanh tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; phát huy năng lực, kỹ năng của người lao động; phát huy vai trò làm chủ thực sự của cổ đông, mang lại lợi tức cho các cổ đông, đóng góp vào Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan).

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là: **630.000.000.000** đồng (Bằng chữ: *Sáu trăm ba mươi tỷ đồng*)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **63.000.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy

định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu,

Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát (công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp).
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo

quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện

kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không

có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (gửi bằng thư chuyển phát, hoặc/và tin nhắn điện thoại, hoặc/và thư điện tử, hoặc/và fax theo địa chỉ liên lạc của cổ đông thuộc danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty được cung cấp bởi tổ chức lưu ký chứng khoán Việt Nam), đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết

tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm

trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ năm (5) đến chín (9) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng

quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công

việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác (nếu có).
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội

bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (3) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo

tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ

đồng cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày một (01) tháng một (01) hằng năm và kết thúc vào ngày ba một (31) tháng mười hai (12) hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và



khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề

ngợi của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Camimex nhất trí thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở chính Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn